

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2024/DS - PT

Ngày: 22/11/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tân

*Các thẩm phán:* 1. Ông Vũ Đại Long

2. Ông Mai Đình Thuận

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Hồng Minh - Thư ký TAND tỉnh Thanh

Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đại diện theo pháp luật của bị đơn kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2024/QĐ - PT ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Lê Thái S, sinh năm 1964

Địa chỉ: C, 06 B, H, Hồ N, phường A, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Vũ Quốc A, sinh năm 1990

Địa chỉ: 27 TT1, Ngõ E, đường B, T, L, Hà Nội. “Có mặt”

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt Công ty Đ).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lưu Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng

quản trị.

*Người được ủy quyền tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Hoàng T1, sinh năm 1992 “Có mặt”

CMND số 001092008211 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/5/2021.

Địa chỉ: Số F, ngõ A phố H, quận T, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy ủy quyền số 2708/GUQ-GAB ngày 27/8/2024.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thái S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 12/5/2022, tại trụ sở Công ty cổ phần Đ, địa chỉ thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, ông Lê Thái S đã cho Công ty cổ phần Đ vay tiền theo hợp đồng vay vốn số:..../2022/VV-GAB-LTS ngày 12/5/2022 vay số tiền 34.000.000.000 đ (ba mươi tư tỉ đồng); Thời hạn vay 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (tức ngày 11/11/2023 là đến hạn trả nợ). Lãi xuất trong hạn 7%/ năm và được thanh toán vào ngày kết thúc thời hạn vay vốn. Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi ký hợp đồng ông Lê Thái S đã chuyển tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần Đ 34.000.000.000 đồng (ba mươi tư tỉ đồng) theo Giấy yêu cầu chuyển tiền ngày 12/5/2022 tại Ngân hàng B.

Đến hết ngày 11/11/2023, tức kết thúc thời hạn vay, Công ty cổ phần Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay cho ông Lê Thái S theo cam kết của hợp đồng.

Ngày 29/12/2023 ông Lê Thái S làm văn bản đề nghị thanh toán nợ gửi Công ty Đ để thông báo về tiền nợ gốc, nợ lãi theo như thỏa thuận giữa các bên được quy định trong hợp đồng và đề nghị Công ty Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông toàn bộ số nợ chậm nhất đến ngày 20/01/2024.

Tuy nhiên đã kết thúc thời hạn vay gần 4 tháng nhưng Công ty Đ vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông theo quy định của hợp đồng. Điều này gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông Lê Thái S.

Tạm tính đến ngày 01/3/2024, tổng số tiền nợ gốc và lãi mà Công ty cổ phần Đ còn nợ ông Lê Thái S là 38.758.858.904 đồng.

Trong đó: Nợ gốc: 34.000.000.000 đồng.

Lãi trong hạn (7%/năm) = 3.570.000.000 đồng;

Lãi vay chậm trả (150%) = 1.188.858.904 đồng.

Vì vậy ông Lê Thái S đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần Đ thực hiện nghĩa vụ trả ngay cho ông số tiền nợ gốc cùng lãi suất vay = 34.000.000.000 đồng (gốc) + 3.570.000.000 đồng (lãi trong hạn) = 37.570.000.000 đồng; Tiền lãi chậm trả = 1.188.858.904 đồng. Tổng cộng: 38.758.858.904 đồng.

Buộc Công ty cổ phần Đ tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi xuất chậm trả theo quy định tại hợp đồng vay vốn đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

***Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn trình bày:***

Công ty cổ phần Đ được thành lập trên cơ sở hoàn toàn độc lập, tất cả các vấn đề về mặt quản lý, điều hành, kinh doanh và hoạt động của công ty là độc lập, không có liên quan gì với Công ty Cổ phần Đ. Thời điểm công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn Đ do ông Trịnh Văn Q mua lại cổ phần của các cổ đông và chiếm 51% nhưng không tham gia vào quản lý, điều hành công ty mà ông Q chỉ là cổ đông góp vốn, không nằm trong thành phần Hội đồng quản trị của Công ty.

Việc ký hợp đồng vay nợ phía Công ty cổ phần Đ vay ông Lê Thái S trước đây do ông Nguyễn Đức C là đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện. Sau này ông Lưu Văn T tiếp quản việc quản lý và là người đại diện theo pháp luật của công ty T3 ông Nguyễn Đức C. Việc bàn giao công nợ, sổ sách kế toán (bằng văn bản) khoản nợ giữa ông Nguyễn Đức C và ông Lưu Đức T2 không được bàn giao. Công ty chỉ nắm được việc vay nợ trên cơ sở dữ liệu máy tính (thể hiện trên phần mềm kế toán máy chủ của công ty) về khoản vay nợ của ông Lê Thái S.

Tuy nhiên, sau khi đối chiếu công nợ, sổ sách lưu trữ và Tài khoản Ngân hàng của Công ty thì phía Công ty Đ1 và công nhận đã vay của ông Lê Thái S số tiền 34.000.000.000 đồng. Tiền vay được chuyển vào tài khoản của công ty tại Ngân hàng B1 theo số TK: 1600598477 thì đã bị Ngân hàng thu nợ khi các khoản vay của công ty đã đến hạn với số tiền trên Giấy báo nợ ngày 13/5/2022 là 33.623.421.631 đồng.

Nay ông S khởi kiện đòi nợ số tiền trên (gốc và lãi), phía Công ty hoàn toàn công nhận nợ và sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ông Lê Thái S.

Về thời gian và điều kiện trả nợ: Hiện nay Công ty đang gặp khó khăn, nhiều vướng mắc. Số tiền nợ là rất lớn, trong khi cổ đông lớn của Công ty là ông Trịnh Văn Q đang bị bắt giam điều tra từ tháng 3 năm 2022. Vì vậy Công ty chưa thể thu xếp để trả nợ cho ông Lê Thái S ngay được. Công ty cổ phần Đ đề nghị cần có thêm thời gian để thu xếp trả nợ, Công ty không thể khẳng định được thời gian cụ thể khi nào, vì nếu thu xếp nguồn tiền được lúc nào thì Công ty sẽ tất toán khoản nợ ngay thời điểm đó.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã Quyết định:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; 271; 273; 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 357; Điều 463; khoản 5 Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

\* **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thái S đối với Công ty cổ phần Đ.

Buộc Công ty cổ phần Đ trả cho Lê Thái S số tiền: **40.700.841.096** đồng (Bốn mươi tỉ bảy trăm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng)

Trong đó tiền gốc: 34.000.0000.000 đồng (ba mươi tư tỉ đồng);

Tiền lãi là: 6.700.841.096 đồng (sáu tỉ bảy trăm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng (10,5%/năm) trên số tiền gốc chậm trả.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

**\* Sau khi xét xử sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn kháng cáo với nội dung:**

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử: Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự, tại cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bác kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, sửa lời tuyên về nghĩa vụ thi hành án theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Thái S khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Đ trả lại tiền vay nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định.

Bị đơn có địa chỉ tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện H, tỉnh Thanh Hóa, quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.



Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo trong hạn, các đương sự không thỏa thuận, hòa giải được với nhau nội dung tranh chấp, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Hợp đồng vay vốn (không số)/2022/VV-GAB-LTS ngày 12/5/2022 được ký kết giữa ông Lê Thái S và Công ty cổ phần Đ, theo hợp đồng ông S cho Công ty vay số tiền 34.000.000.000 đồng; Thời hạn vay 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi xuất trong hạn 7%/ năm và được thanh toán vào ngày kết thúc thời hạn vay vốn. Lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn giữa ông Lê Thái S và Công ty cổ phần Đ được hai bên ký kết.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, hai bên đương sự thừa nhận Hợp đồng, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, sau khi ký kết hợp đồng, ông S đã thực hiện việc chuyển tiền cho bên vay là Công ty cổ phần Đ vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng “Giấy báo Có ngày 12/5/2022 (14-52-17) của Ngân hàng B1 (Số tài khoản cũ 1601000059877) số tiền 34.000.000.000 đồng do ông Lê Thái S chuyển khoản”. Đến hạn trả nợ, ông S đã có văn bản yêu cầu phía bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty cổ phần Đ và quản lý tài sản Đ chưa thanh toán tiền gốc và lãi cho ông Lê Thái S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn công nhận thông qua dữ liệu điện tử thể hiện, ông S có chuyển đến tài khoản của Công ty số tiền 34 tỷ đồng, tuy nhiên bị đơn chưa nhận được việc bàn giao của người đại diện theo pháp luật tại thời điểm bị đơn vay vốn.

Xét thấy: Tại cấp sơ thẩm các bên đã thống nhất, công nhận số tiền vay, số tiền lãi phải trả nhưng không thống nhất được về phương thức trả nợ; tại cấp phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn đề nghị hủy án, tuy nhiên bị đơn không cung cấp được chứng cứ gì mới so với tài liệu đã thu thập tại cấp sơ thẩm, do đó ông S khởi kiện yêu cầu Công ty Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu tiền lãi: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo nội dung hợp đồng tính đến ngày xét xử là căn cứ. Theo hợp đồng vay vốn có thời hạn trả nợ là 18 tháng nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn. Lãi xuất trong hạn và lãi xuất quá hạn được chấp nhận theo quy định của pháp luật, được thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký, cụ thể:

Tiền nợ lãi trong hạn với lãi xuất 7%/ năm (Từ 12/5/2022 đến 11/11/2023):  
 $34.000.000.000 \text{ đồng} \times 7\% / 12 \times 18 \text{ tháng} = 3.570.000.000 \text{ đồng};$

Tiền lãi chậm trả trên nợ gốc tính từ ngày 12/11/2023 đến ngày xét xử (29/8/2024) là  $34.000.000.000 \text{ đồng} \times [(7\% \times 150\%) : 365] \times 291 \text{ ngày} = 2.846.219.178 \text{ đồng}.$

Tiền lãi chậm trả tính trên lãi vay trong hạn tính từ ngày 12/11/2023 đến ngày xét xử (29/8/2023) =  $3.570.000.000 \text{ đồng} \times 10\% / 365 \times 291 \text{ ngày} = 284.621.918 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền lãi là: 6.700.841.096 đồng.

Tổng cả gốc và lãi Công ty cổ phần Đ phải trả cho ông Lê Thái S là: **40.700.841.096** đồng.

Về số tiền lãi theo hợp đồng do các bên thỏa thuận 7%/ năm phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Như vậy. Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đều thống nhất với nhau về số tiền vay, về lãi xuất cho vay, bị đơn chỉ không thống nhất về thời hạn thanh toán. Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán các khoản nợ là phù hợp pháp luật. Bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án dân sự phúc thẩm: Bị đơn kháng cáo phúc thẩm không được chấp nhận, nên phải chịu án phí.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### QUYẾT ĐỊNH:

\* **Căn cứ:** Vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

\* **Căn cứ:** Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357; Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn;

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; sửa lời tuyên về nghĩa vụ thi hành án, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty cổ phần Đ trả cho Lê Thái S số tiền: **40.700.841.096** đồng (Bốn mươi tỉ bảy trăm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng); Trong đó tiền gốc: 34.000.0000.000 đồng (ba mươi tư tỉ đồng); Tiền lãi là: 6.700.841.096 đồng (sáu tỉ bảy trăm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng (tính từ ngày 30/8/2024) người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**2.** Về án phí Dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số BLTU/23 số 0003370 ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa (Bị đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Hậu Lộc;
- VKSND huyện Hậu Lộc;
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Lê Thị Tân**